

Bản án số: 04/2024/DS-ST.

Ngày: 29-01-2024

V/v trAh chấp về hợp D vay tài sản,

TrAh chấp quyền sử dụng đất và

trAh chấp hợp D thế chấp

NHÂN DAH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TẬN BẮC, B TẬN

- Thành phần Hội D xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mi Mi

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn T5 S

- Ông Đặng Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Kim Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Hàm Tận Bắc , tỉnh B Tận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tận Bắc tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Sáu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 12 năm 2023 và ngày 29 tháng 01 năm 2024,
tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tận Bắc, tỉnh B Tận xét xử sơ thẩm công
khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2021/TLST- DS ngày 26 tháng 10 năm 2021,
về việc: “TrAh chấp về hợp D vay tài sản” và thụ lý theo yêu cầu độc lập ngày
03/4/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXXST-DS ngày
03/10/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2023/QĐST-DS ngày 03/11/2023,
Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 19/2023/QĐXXST-DS ngày 29/12/2023, về
việc: “TrAh chấp hợp D vay tài sản”, “TrAh chấp quyền sử dụng đất” và “TrAh
chấp hợp D thế chấp”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Số 77 phố T, phường T, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

**Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài
Gòn - Hà Nội:** Ông Nguyễn Văn L - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng
Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội. Thay thế ông Đỗ QuAg Hiên - Chức vụ:
Chủ tịch Hội D quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ QuAg Hiể: Ông Nguyễn A -
Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng SHB - Chi nhánh B Tậ. Theo Văn bản ủy quyền
số 07/2022/VBUQ-SHB ngày 10/01/2022.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn A: Ông Ngô Duy P –
Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Theo Giấy ủy quyền số 19/2022/ UQ-SHB ngày
19/12/2022.

Bị đơn: Ông Trần Việt H - Sinh năm 1991;
Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện Hàm Tận Bắc, tỉnh B Tậ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Việt H: Bà Nguyễn Thị S –
Sinh năm 1972. Theo Giấy ủy quyền ngày 10/02/2023.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA:

1/ Ông Nguyễn Văn B – Sinh năm 1965

2/ Bà Nguyễn Thị S – Sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện Hàm Tận Bắc, tỉnh B Tậ

3/ Ông Nguyễn Thế T1 – Sinh năm 1980 (có yêu cầu độc lập)

4/ Bà Nguyễn Thị L1 – Sinh năm 1980 (có yêu cầu độc lập)

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã H, huyện Hàm Tận Bắc, tỉnh B Tậ

5/ Bà Nguyễn Thị Ngọc T2 – sinh năm 1992;

6/ Ông Nguyễn Văn D – sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện Hàm Tận Bắc, tỉnh B Tậ

Người làm chứng:

1/ Bà Nguyễn Thị X – sinh năm 1955;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Hàm Tận Bắc - B Tậ

2/ Ông Nguyễn T2 – sinh năm 1957;

Địa chỉ: Thôn 6, xã H, huyện Hàm Tận Bắc, tỉnh B Tậ

3/ Bà Nguyễn Thị T4 – sinh năm 1959

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện Hàm Tận Bắc-B Tậ

4/ Bà Nguyễn Thị Q – sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện Hàm Tận Bắc, tỉnh B Tậ

5/ Bà Nguyễn Thị Ngọc T – sinh năm 1968

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện Hàm Tận Bắc-B Tậ

6/ Ông Nguyễn Văn T5 – sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện Hàm Tận Bắc, tỉnh B Tậ

7/ Bà Nguyễn Thị Bích L3 – sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn 4, xã H, huyện Hàm Tân Bắc, tỉnh B Tân

8/ Bà Nguyễn Thị C4 – sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện Hàm Tân Bắc, tỉnh B Tân

Tại phiên tòa có mặt ông P; ông B, bà S, ông T1, bà L1;

Vắng mặt ông H, bà T2, ông D và tất cả người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2021, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 23/12/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do ông Ngô Duy P đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngân hàng ký hợp D với ông Trần Việt H theo Hợp D cấp hạn mức tín dụng số 258/2019/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 15/11/2019, mục đích vay bổ sung vốn T mua T5 long, số tiền vay 1.500.000.000D, thời giA vay tối đa không quá 12 tháng (tại Khoản 5, Mục B Khế ước nhận nợ số 01-258/2019/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 15/11/2019. Cụ thể 182 ngày kể từ ngày 15/11/2019 đến 15/5/2020), lãi suất cho vay được quy định tại Khế ước nhận nợ, phương thức trả nợ: Trả nợ gốc cuối kỳ, lãi trả đều hàng tháng từ ngày 25, bắt đầu trả lãi từ ngày 25/12/2019. Tổng số tiền lãi mà ông Trần Việt H đã trả là 37.882.093D. Khoản vay chuyển nợ quá hạn từ ngày 01/5/2020 do khách hàng không T5 toán gốc lãi pH trả hàng tháng.

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ, ông H không có thiện chí trả nợ. Nay, Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu ông Trần Việt H pH trả số tiền nợ vay tính đến ngày 29/01/2024 tổng cộng là 2.680.870.515 D, gồm: Nợ nợ gốc: 1.500.000.000D và nợ lãi 1.180.870.515D (trong đó: lãi trong hạn 55.602.815D, lãi quá hạn 1.111.154.482D, lãi chậm trả 14.113.218 D) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/01/2024 cho đến khi ông Trần Việt H T5 toán xong toàn bộ khoản nợ vay theo Hợp D cấp hạn mức tín dụng số 258/2019/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 15/11/2019.

- Trong trường hợp ông Trần Việt H không trả được nợ đã vay thì Ngân hàng thương mại cổ phần S đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tọa lạc thôn 5, xã Hàm Đức, huyện Hàm Tân Bắc, tỉnh B Tân theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD885613, số vào sổ GCN:H04864 do Ủy bA nhân dân huyện Hàm Tân Bắc cấp cùng ngày 16/12/2005 (cập nhật biên động chủ sở hữu Trần Việt H ngày 17/10/2018).

Bị đơn ông Trần Việt H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2022: Bà S là di ruột của ông, còn ông B là dưỡng. Ông có đứng tên vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội – Chi nhánh B Tân số tiền 1.500.000.000D theo Hợp D cấp hạn mức tín dụng số 258/2019/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 15/11/2019 và Khế ước nhận nợ. Mục đích vay mua bán T5 long, thời hạn vay tối đa 12 tháng, lãi suất 1,1%/tháng. Tuy nhiên, tại khế ước nhận nợ thì ông cam kết thời hạn trả nợ 6 tháng từ ngày 15/11/2019 đến 15/5/2020 trả hết nợ. Quá trình vay ông đã giao cho di ông là bà Nguyễn Thị S trực tiếp đi trả nợ và ông được biết đã trả được số tiền lãi khoảng hơn 30.000.000D (ba chục triệu D). Ông là người trực tiếp đứng ra vay tiền của Ngân hàng nhưng sau khi vay xong thì ông giao hết toàn bộ số tiền vay 1.500.000.000D cho bà S, ông B vì ông cùng bà S, ông B làm ăn chung (mua bán T5 long) với nhau. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tọa lạc thôn 5, xã Hàm Đức, huyện Hàm Tân Bắc, tỉnh B Tân với diện tích 619m², mục đích sử dụng đất ONT, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD885613, số vào sổ GCN:H04864 do Ủy bA nhân dân huyện Hàm Tân Bắc cấp cùng ngày 16/12/2005 (cập nhật biến động chủ sở hữu Trần Việt H ngày 17/10/2018). Thực tế, diện tích đất thế chấp cho Ngân hàng là của vợ chồng bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn B chuyển nhượng cho ông để đi vay vốn Ngân hàng nhưng thực tế vợ chồng bà S, ông B, vẫn đAg sử dụng ổn định từ trước đến nay, ông không có sử dụng đất này. Ông Nguyễn Thế T1 là cháu ông B, việc ông vay Ngân hàng vào năm 2019, ông T1 hoàn toàn không biết gì về việc ông vay Ngân hàng cũng như tài sản thế chấp cho Ngân hàng. Nay, Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu ông Trần Việt H pH trả số tiền nợ vay thì ông D ý và tiền lãi phát sinh từ cho đến khi ông cho đến khi ông Trần Việt H T5 toán xong toàn bộ khoản nợ vay theo Hợp D cấp hạn mức tín dụng số 258/2019/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 15/11/2019. Trong trường hợp ông Trần Việt H không trả được nợ đã vay thì Ngân hàng thương mại cổ phần S đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tọa lạc thôn 5, xã Hàm Đức, huyện Hàm Tân Bắc, tỉnh B Tân theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD885613, số vào sổ GCN:H04864 do Ủy bA nhân dân huyện Hàm Tân Bắc cấp cùng ngày 16/12/2005 (cập nhật biến động chủ sở hữu Trần Việt H ngày 17/10/2018) thì ông D ý. Tuy nhiên có phần đất của T1, L1 thì mong muốn Ngân hàng cho thời giA để trả nợ, D ý với yêu cầu của vợ chồng T1 L1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn B trình bày: Ông bà có nhờ Trần Việt H đứng ra vay của Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền gốc là 1.500.000.000D. Ông bà có làm thủ tục chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD885613, số vào sổ GCN:H04864 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân Bắc cấp cùng ngày 16/12/2005 cho H đứng tên để vay tiền. Trong tổng diện tích đất nêu trên có khoảng 200m² là của vợ chồng Nguyễn Thế T1, Nguyễn Thị L1 quản lý sử dụng từ trước đến nay. Phần diện tích này nguồn gốc là của mẹ ông B tên bà Đào Thị Ái, thời điểm vào khoảng năm 2005 bà S chở bà Ái đến UBND xã Hàm Đức, huyện Hàm Tân Bắc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sAg tên hộ ông Nguyễn Văn B (hộ gồm có 02 người con của bà và vợ chồng bà). Do bà Đào Thị Ái ở chung nhà với vợ chồng bà S, ông B nên nói với vợ chồng bà xây dựng nhà như hiện nay đAg ở thì phần diện tích đất còn lại bà Ái cho vợ chồng T1, L1 nhưng do từ trước đến nay giấy tờ đất đAg thế chấp tại Ngân hàng nên chúng tôi chưa làm thủ tục tách sổ cho vợ chồng T1, L1 được. Do vậy, nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần Việt H pH trả nợ như đơn khởi kiện thì ông bà cũng thống nhất, mặc dù ông bà không pH là người đứng tên vay nhưng thực tế ông bà là người sử dụng tiền vay. Nên ông bà sẽ cùng chịu trách nhiệm với Trần Việt H để trả nợ cho Ngân hàng, đối với yêu cầu phát mãi tài sản (trong đó có phần đất T1, L1 đAg sử dụng) thì ông bà mong muốn Ngân hàng cho ông bà thêm thời gian để tìm cách trả nợ, không làm ảnh hưởng tới phần đất của T1, L1.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 30/3/2023 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế T1, bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Ông bà không liên quan gì đến việc vay tiền của ông H, ông B, bà S với Ngân hàng nên ông bà không có ý kiến. Đối với phần đất đo đạc thực tế diện tích 237,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 885613 do UBND huyện Hàm Tân Bắc cấp ngày 16/12/2005 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn B, cập nhật biến động cho ông Trần Việt H ngày 17/10/2018 là của ông bà quản lý, sử dụng vào năm 2009, trên đất có ngôi nhà xây cấp 4 và công trình phụ nằm trong thửa đất đAg được thế chấp Ngân hàng. Ông bà yêu cầu vô hiệu một phần Hợp D thế chấp tài sản đối với diện tích là 231,15m² (đo đạc thực tế 237,8m²) trên mảnh đất với diện tích 619m² là quyền sử dụng đất mà ông Trần Việt H đã đứng tên thế chấp cho Ngân hàng TMCP S. Ông Nguyễn Thế T1 và bà Nguyễn Thị L1 yêu cầu công nhận diện tích 231,15m² (đo đạc thực tế 237,8m²) cho vợ chồng ông, bà. Ngoài ra, ông bà còn

cung cấp đơn đề nghị xác nhận có thành viên trong gia tộc cùng ký tên nội dung bà Đào Thị Ái có cho đất vợ chồng T1, L1 xây dựng nhà như hiện trạng.

Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị T4, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Ngọc T, bà Nguyễn Thị Bích L3, ông Nguyễn Văn T5, bà Nguyễn Thị C4 ngày 18/12/2023 trình bày: Nguồn gốc thửa đất ĐL, tờ bản đồ số 2, diện tích 619m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 885613 do UBND huyện Hàm Tân Bắc cấp ngày 16/12/2005 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn B, cập nhật biến động cho ông Trần Việt H ngày 17/10/2018 là của cha tên Nguyễn Sáu, mẹ tên Đào Thị Ái tạo lập nên. Cha chết năm 1985, mẹ chết năm 2008. Khi mẹ còn sống thì ở với vợ chồng bà S, ông B trên căn nhà cũ. Lúc còn sống mẹ các ông, bà có nói cho vợ chồng S, ông B cùng các con biết là một phần diện tích mà mẹ đAg ở cho vợ chồng B, S để xây dựng nhà như hiện nay, một phần diện tích còn lại cho cháu nội đích tôn là ông Nguyễn Thế T1, vào năm 2009 ông T1 xây dựng ngôi nhà cấp 4, công trình phụ như hiện trạng nay. Việc bà S, ông B tự ý đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình không ai biết nhưng hiện nay không ai trAh chấp. Việc ông T1, bà L1 xây dựng nhà ở từ năm 2009 cho đến nay ai cũng biết và không ai có ý kiến gì vì phần diện tích đất này ông T1 được bà Đào Thị Ái cho là thể hiện tâm niệm của bà nên mọi người đều D ý, không có ý kiến.

Tại phiên Tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội D xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời tụng. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội D xét xử: Áp dụng Điều 117, 166, 299, 303, 317, 318, 320, 323, 324, 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 167 Luật đất đai năm 2013:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc ông Trần Việt H trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S nợ gốc: 1.500.000.000D và nợ lãi tính đến ngày 29/01/2024 là 1.180.870.515D (trong đó: lãi trong hạn 55.602.815D, lãi quá hạn 1.111.154.482D, lãi chậm trả 14.113.218 D) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/01/2024 cho đến khi T5 toán xong nợ.

Trường hợp vợ chồng ông Trần Việt H không T5 toán khoản nợ theo hợp D nói trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền đề nghị Cơ quA thi hành

án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các điểm 1,2,3,4,5,6,7,11,1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 885613 do UBND huyện Hàm Tân Bắc cấp ngày 16/12/2005 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn B, cập nhật biến động cho ông Trần Việt H ngày 17/10/2018, theo Hợp D thế chấp quyền sử dụng đất số 259/2019/HĐTC-CN/SHB.132100 ngày 15/11/2019.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Thế T1, bà Nguyễn Thị L1.

Tuyên bố hợp D thế chấp quyền sử dụng đất số 259/2019/HĐTC-CN/SHB.132100 ngày 15/11/2019 vô hiệu một phần đối với phần quyền sử dụng đất tại các điểm 7,8,9,10,11,7 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 885613 do UBND huyện Hàm Tân Bắc cấp ngày 16/12/2005 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn B, cập nhật biến động cho ông Trần Việt H ngày 17/10/2018.

Công nhận cho ông Nguyễn Thế T1, bà Nguyễn Thị L1 quyền sử dụng đất tại các điểm 7,8,9,10,11,7 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 885613 do UBND huyện Hàm Tân Bắc cấp ngày 16/12/2005 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn B, cập nhật biến động cho ông Trần Việt H ngày 17/10/2018.

- Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S về việc xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích 237,8m² tại các điểm 7,8,9,10,11,7 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 885613 do UBND huyện Hàm Tân Bắc cấp ngày 16/12/2005 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn B, cập nhật biến động cho ông Trần Việt H ngày 17/10/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội D xét xử nhận định:

[1] Về quA hệ trAh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ theo Hợp D cấp hạn mức tín dụng số 258/2019/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 15/11/2019. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA có yêu cầu độc lập đối với phần tài sản thế chấp và yêu cầu công nhận diện tích đất đAg sử dụng. Đây là trAh chấp hợp D vay tài sản, trAh chấp quyền sử dụng đất và trAh chấp hợp D thế chấp. Bị đơn có địa chỉ tại thôn A Phú, xã Hàm Chính, huyện Hàm Tân Bắc, tỉnh B Tân. Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân Bắc, tỉnh B Tận, được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Việt H đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc T2, ông Nguyễn Văn D và các người làm chứng vắng mặt đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[3] *Về nội dung*:

[3.1] Căn cứ vào Hợp D cấp hạn mức tín dụng số 258/2019/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 15/11/2019 giữa Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh B Tận với ông Trần Việt H thì tại thời điểm ký kết hợp D Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh B Tận có đầy đủ tư cách pháp nhân, ông Trần Việt H có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên giao kết hợp D là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, các bên đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên. Vì vậy, Hợp D cấp hạn mức tín dụng số 258/2019/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 15/11/2019 giữa Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh B Tận với ông Trần Việt H và các văn bản kèm theo giữa các bên được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Ông Trần Việt H thừa nhận có ký Hợp D tín dụng với Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh B Tận, mục đích vay tiền hộ cho bà S, ông B, vì vợ chồng bà S, ông B có nợ xấu của Ngân hàng không vay được nên mới làm thủ tục chuyển nhượng đất sAg cho ông Trần Việt H vay hộ. Việc này bà S, ông B cũng thừa nhận đã sử dụng toàn bộ số tiền vay trên, không liên quan gì đến ông H và chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ vay của ông H cho Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh B Tận. Tuy nhiên, Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh B Tận không đồng ý việc bà S, ông B chịu trách nhiệm trả nợ vì ông H là người trực tiếp vay nên chỉ yêu cầu một mình ông H phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, không chấp nhận ý kiến của bà S, ông B. Hội D xét xử nhận thấy, ông Trần Việt H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong Hợp D tín dụng. Đối với việc bà S, ông B khai nại sẽ chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ mà ông Trần Việt H đã vay hộ cho vợ chồng ông bà không được Ngân hàng chấp nhận nên xét thấy nếu vợ chồng bà có thiện chí trả nợ thay cho ông Trần Việt H thì cùng với ông H trả cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh B Tận yêu cầu ông Trần Việt H phải trả số tiền nợ

của Hợp D cấp hạn mức tín dụng số 258/2019/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 15/11/2019 là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Trần Việt H phải trả số tiền nợ vay tính đến ngày 29/01/2024 tổng cộng là 2.680.870.515 D, gồm: Nợ gốc: 1.500.000.000D và nợ lãi 1.180.870.515D (trong đó: lãi trong hạn 55.602.815D, lãi quá hạn 1.111.154.482D, lãi chậm trả 14.113.218 D) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/01/2024 cho đến khi ông Trần Việt H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay theo Hợp D cấp hạn mức tín dụng số 258/2019/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 15/11/2019 là hoàn toàn phù hợp và đúng pháp luật.

[3.2] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Theo Hợp D thế chấp quyền sử dụng đất số 295/2019/HĐTC-CN/SHB.132100 ngày 15/11/2019 giữa Ngân hàng và ông Trần Việt H là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 885613 do UBND huyện Hàm Tân Bắc cấp ngày 16/12/2005 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn B, cập nhật biến động cho ông Trần Việt H ngày 17/10/2018. Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp có diện tích 619m², mục đích sử dụng đất ONT, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD885613, số vào sổ GCN:H04864 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân Bắc cấp cùng ngày 16/12/2005 (cập nhật biến động chủ sở hữu Trần Việt H ngày 17/10/2018), tọa lạc tại: Thôn 5, xã Hàm Đức, huyện Hàm Tân Bắc, tỉnh B Tân.

Theo yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế T1, bà Nguyễn Thị L1 yêu cầu vô hiệu một phần tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng cụ thể là vô hiệu diện tích đất 237,8m² có ngôi nhà xây cấp 4, công trình phụ của vợ chồng ông T1, bà L1 đã xây dựng và công nhận diện tích trên cho vợ chồng ông T1, bà L1 vì vợ chồng ông, bà được bà Đào Thị Ái (bà nội) cho ở trên diện tích đất này từ năm 2009 cho đến nay. Vợ chồng ông, bà không biết bà S, ông B đã chuyển nhượng cho ông T1 và vay tiền Ngân hàng. Quá trình ông H vay tiền về phía Ngân hàng cũng không đến thẩm định tài sản đã thế chấp vì vợ chồng ông T1, bà L1 vẫn ở trên đất, hoàn toàn không biết gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định định giá tài sản thế chấp thì trên thửa đất ĐL, tờ bản đồ số 2, diện tích 619m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 885613 do UBND huyện Hàm Tân Bắc cấp ngày 16/12/2005 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn B, cập nhật biến động cho ông Trần Việt H ngày 17/10/2018, có 02 ngôi nhà cấp 4 (gồm 01 ngôi nhà của vợ chồng bà S, ông B đang quản lý, sử dụng và 01 ngôi nhà cấp 4 của vợ chồng ông Nguyễn Thế T1, bà Nguyễn Thị L1 quản lý, sử dụng). Cả 02 ngôi nhà xây dựng

riêng biệt nhà bà S, ông B xây dựng vào năm 2008, nhà ông T1, bà L1 xây dựng vào năm 2009. Diện tích đất thế chấp 619m² (trong đó diện tích theo đo đạc hiện trạng 237,8m² gồm ngôi nhà xây cấp 4, công trình phụ của vợ chồng ông T1, bà L1 đã xây dựng cùng một số tài sản khác và diện tích đất còn lại là vợ chồng ông B, bà S quản lý sử dụng). Bà S, ông B cũng thừa nhận toàn bộ diện tích đất thế chấp cho Ngân hàng có nguồn gốc là của bà Đào Thị Ái (mẹ ông B), khi còn sống bà Ái ở với chung với vợ chồng ông bà. Lúc còn sống, bà Ái nói với vợ chồng ông bà rằng “Cho vợ chồng ông bà một phần diện tích để xây dựng nhà như hiện nay và phần diện tích đất như đo đạc hiện trạng 237,8m² cho cháu nội là Nguyễn Thế T1 xây nhà”. Việc này cũng được các Ah, chị em trong gia đình của ông B biết và xác nhận. Vào năm 2005, bà S đã chở bà Ái đến UBND xã Hàm Đức làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ Nguyễn Văn B (hộ gồm bà S, ông B và 02 con là Nguyễn Thị Ngọc T2, Nguyễn Văn D) thì vợ chồng bà đã thế chấp cho Ngân hàng không tách tách diện tích đất để chuyển sAg tên cho ông Nguyễn Thế T1 được. Sau đó, bà cần vốn làm ăn không vay Ngân hàng được (vì nợ xấu) nên mới làm thủ tục chuyển nhượng sAg tên ông Trần Việt H để vay số tiền cao hơn. Thực tế, vợ chồng bà vẫn sử dụng tài sản này và ông H cũng không biết đất của vợ chồng ông bà có phần diện tích đất ông T1, bà L1 đAg ở mà chỉ biết thế chấp diện tích đất có tài sản vợ chồng ông bà đAg sử dụng. Khi Ngân hàng đến nhà vợ chồng ông bà thẩm định thì cũng chỉ biết có 01 ngôi nhà và diện tích đất của vợ chồng bà đAg ở, Ngân hàng cũng không thẩm định, không đo đất, cũng không hỏi vì sao bà S, ông B ở trên nhà này mà chỉ vào nhìn ngôi nhà vợ chồng bà đAg ở nên việc thế chấp tài sản trên để vay Ngân hàng cũng được Tận lợi.

Tại phiên Tòa, phía đại diện Ngân hàng cũng không nêu được quá trình thẩm định cho vay vốn của Ngân hàng, cũng không trình bày được việc thẩm định tài sản thế chấp của ông H như thế nào mà cho rằng người có trách nhiệm đi thẩm định tài sản thế chấp vụ này đã nghỉ việc, không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Theo người đại diện ủy quyền của nguyên đơn cho biết việc thẩm định tài sản bảo đảm của khách hàng trước khi cho vay là quy định bắt buộc pH có, quy trình thẩm định pH được đo vẽ, chụp hình tài sản có trên đất. Tuy nhiên, tại phiên Tòa phía nguyên đơn xác nhận báo cáo kết quả thẩm định tài sản mà Ngân hàng cung cấp cho Tòa, hình ảnh liên quA tài sản bảo đảm thẩm định chỉ

có 01 ngôi nhà của bà S, ông B, không có phần diện tích đất có nhà của vợ chồng ông T1, bà L1.

Từ những phân tích trên, Hội D xét xử nhận thấy việc Ngân hàng thế chấp tài sản trên của ông Trần Việt H là không đảm bảo tính khách quA, không đúng quy định thẩm định tài sản đã thế chấp cụ thể chủ sở hữu là ai đAg sử dụng, diện tích thế chấp bao nhiêu, tài sản gắn liền với đất không T thập thông tin, tài liệu liên quA đến tài sản thế chấp làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T1, bà L1. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn theo Hợp D thế chấp quyền sử dụng đất số 295/2019/HĐTC-CN/SHB.132100 ngày 15/11/2019 giữa Ngân hàng và ông Trần Việt H là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 885613 do UBND huyện Hàm Tân Bắc cấp ngày 16/12/2005 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn B, cập nhật biến động cho ông Trần Việt H ngày 17/10/2018. Cụ thể: không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đo đạc hiện trạng diện tích 237,8m² (phần ông T1, bà L1 đAg sử dụng) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 885613 do UBND huyện Hàm Tân Bắc cấp ngày 16/12/2005 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn B, cập nhật biến động cho ông Trần Việt H ngày 17/10/2018.

Phần còn lại của Hợp D thế chấp quyền sử dụng đất số 295/2019/HĐTC-CN/SHB.132100 ngày 15/11/2019 đã được Văn phòng công chứng PhA Thiết ngày 15/11/2019, số công chứng 8485, quyền số 12/2019TP/CC –SCC/HĐGD, tài sản bảo đảm là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD885613, sổ vào sổ GCN:H04864 do Ủy bA nhân dân huyện Hàm Tân Bắc cấp cùng ngày 16/12/2005 (cập nhật biến động chủ sở hữu Trần Việt H ngày 17/10/2018) và được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15/11/2019 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hàm Tân Bắc, cụ thể: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số ĐL, tờ bản đồ số ĐL, diện tích còn lại qua các mốc tọa độ 1,2,3,4,5,6,7,11,1 tọa lạc tại Thôn 5, xã Hàm Đức, huyện Hàm Tân Bắc, tỉnh B Tân được yêu cầu xử lý để T5 toán nợ của ông H cho Ngân hàng TMCP S có hiệu lực pháp luật (kèm theo trích đo bản đồ vị trí khu đất trAh chấp ngày 18/5/2023).

Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thế T1, bà Nguyễn Thị L1, Hội D xét xử nhận thấy việc ông T1, bà L1 yêu cầu vô hiệu một phần tài sản thế chấp là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với các lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA, các người làm chứng và các tài liệu T thập tại chính quyền địa phương, phía Ngân hàng cũng thừa nhận chưa đến phần đất này để thẩm định hiện trạng

thực tế ông T1, bà L1 đã Ag quản lý sử dụng và hình ảnh Ngân hàng cung cấp cũng không có nhà đất của ông T1, bà L1 là đúng thực tế. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Thế T1, bà Nguyễn Thị L1 về việc Hợp D thế chấp quyền sử dụng đất số 295/2019/HĐTC-CN/SHB.132100 ngày 15/11/2019 vô hiệu một phần đối với phần quyền sử dụng đất đo đạc hiện trạng diện tích 237,8m², vị trí đất được xác định qua các mốc tọa độ 7,8,9,10,11,7 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 885613 do UBND huyện Hàm Tân Bắc cấp ngày 16/12/2005 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn B, cập nhật biến động cho ông Trần Việt H ngày 17/10/2018.

Công nhận cho ông Nguyễn Thế T1, bà Nguyễn Thị L1 quyền sử dụng đất, vị trí đất được xác định qua các mốc tọa độ 7,8,9,10,11,7 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 885613 do UBND huyện Hàm Tân Bắc cấp ngày 16/12/2005 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn B, cập nhật biến động cho ông Trần Việt H ngày 17/10/2018.

[3.4] Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân Bắc là có cơ sở nên Hội D xét xử xem xét chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng TMCP S không pH chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ .

Ông Trần Việt H pH chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí đối với phần yêu cầu độc lập được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

+ *Về chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ*:

Ông Nguyễn Thế T1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này, ông T1 đã nộp tạm ứng số tiền trên xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội D xét xử không xem xét giải quyết.

Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA không pH chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 145, Điều 146, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 203,

Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các khoản 1 Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 351, Điều 352, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai;

- Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc “Tranh chấp hợp D vay tài sản”.

Buộc ông Trần Việt H pH trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ vay tính đến ngày 29/01/2024 tổng cộng là 2.680.870.515 D, gồm: nợ gốc: 1.500.000.000D và nợ lãi 1.180.870.515D (trong đó: lãi trong hạn 55.602.815D, lãi quá hạn 1.111.154.482D, lãi chậm trả 14.113.218 D) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/01/2024 cho đến khi ông Trần Việt H T5 toán xong toàn bộ khoản nợ vay theo Hợp D cấp hạn mức tín dụng số 258/2019/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 15/11/2019 và Khế ước nhận nợ số 01-258/2019/HĐHM-CN/SHB.132100 ngày 15/11/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày giải quyết sơ thẩm (ngày 29/01/2024) ông Trần Việt H còn pH tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa T5 toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa Tận trong hợp D cho đến khi T5 toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp D cấp hạn mức tín dụng các bên thỏa Tận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay pH tiếp tục T5 toán cho tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Trần Việt H không T5 toán hết số tiền nợ theo hợp D nói trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý một phần tài sản thế chấp theo Hợp D thế chấp quyền sử dụng đất số 295/2019/HĐTC-CN/SHB.132100 ngày 15/11/2019 được Văn phòng công chứng Pha Thiết ngày 15/11/2019, số công chứng 8485, quyền số 12/2019TP/CC –SCC/HĐGD, tài sản bảo đảm là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

AD885613, số vào sổ GCN:H04864 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân Bắc cấp cùng ngày 16/12/2005 (cập nhật biên động chủ sở hữu Trần Việt H ngày 17/10/2018) và được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15/11/2019 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hàm Tân Bắc, cụ thể: Phần diện tích còn lại qua các mốc tọa độ 1,2,3,4,5,6,7,11,1 tại thửa đất số ĐL, tờ bản đồ số ĐL, tọa lạc tại Thôn 5, xã Hàm Đức, huyện Hàm Tân Bắc, tỉnh B Tân.

(kèm theo trích đo bản đồ vị trí khu đất trAh chấp ngày 18/5/2023).

2/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế T1, bà Nguyễn Thị L1.

Vô hiệu một phần Hợp D thế chấp quyền sử dụng đất số 295/2019/HĐTC-CN/SHB.132100 ngày 15/11/2019 giữa bên thế chấp là ông Trần Việt H và bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh B Tân, cụ thể: Vô hiệu một phần tài sản thế chấp của ông Trần Việt H trong khối tài sản là quyền sử dụng đất với diện tích đo đạc hiện trạng 237,8m², vị trí đất được xác định qua các mốc tọa độ 7,8,9,10,11,7 tại thửa đất số ĐL, tờ bản đồ số ĐL, tọa lạc tại Thôn 5, xã Hàm Đức, huyện Hàm Tân Bắc, tỉnh B Tân.

Công nhận cho ông Nguyễn Thế T1, bà Nguyễn Thị L1 quyền sử dụng đất có diện tích 237,8m², vị trí đất được xác định qua các mốc tọa độ 7,8,9,10,11,7 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 885613 do UBND huyện Hàm Tân Bắc cấp ngày 16/12/2005 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn B, cập nhật biên động cho ông Trần Việt H ngày 17/10/2018.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S về việc xử lý tài sản thế chấp là phần quyền sử dụng diện tích đất đo đạc hiện trạng 237,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 885613 do UBND huyện Hàm Tân Bắc cấp ngày 16/12/2005 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn B, cập nhật biên động cho ông Trần Việt H ngày 17/10/2018.

Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần S giao lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD885613, số vào sổ GCN:H04864 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân Bắc cấp cùng ngày 16/12/2005 (cập nhật biên động chủ sở hữu Trần Việt H ngày 17/10/2018) cho ông T1, bà L1 để ông, bà cập nhật đăng ký diện tích đất được công nhận. Sau khi đăng ký xong thì ông T1, bà L1 trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Trần Việt H đã tắt toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S và lấy bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì buộc ông H phải

giao lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1, bà L1 đi cập nhật diện tích đã được công nhận.

Trường hợp tài sản thế chấp còn lại (phần không bị vô hiệu) bị kê biên theo yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S thì buộc ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị S đAg ở trên đất pH giao trả lại tài sản để xử lý theo quy định.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Ngân hàng TMCP S không pH chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 34.006.000D theo Biên L3i T tiền tạm ứng án phí số 0001945 ngày 26/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Tân Bắc, tỉnh B Tận.

Ông Trần Việt H pH chịu 85.617.410 D án phí dân sự sơ thẩm và 300.000D phần yêu cầu của ông T1, bà L1 được chấp nhận. Tổng cộng 85.917.410 D.

Ông Nguyễn Thế T1, bà Nguyễn Thị L1 không pH chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông T1, bà L1 số tiền 5.300.000D theo Biên L3i T tiền tạm ứng án phí số 0014493 ngày 03/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Tân Bắc, tỉnh B Tận

Các đương sự khác không pH chịu án phí dân sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/01/2024), đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh B Tận;
- VKSND huyện Hàm Tân Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI D XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Mi Mi

